

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAN LỘC
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-11-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung, cấp dưỡng nuôi con, tranh
chấp tài sản,

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thanh Huyền, bà Trần Thị Tứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, thụ lý phản tố số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2021 về “Tranh chấp tài sản, cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T; Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Hoàng Thị C; Sinh năm: 1961; Địa chỉ: Thôn Trung Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

+ Chị Hoàng Thị P; Sinh năm: 1976; Địa chỉ: Thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N; Sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Khánh Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

+ Chị Hoàng Thị N2; Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Thôn Tự Cường, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn T2; Sinh năm: 1963; Địa chỉ: K54/15 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn Q; Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số nhà 358/35 đường Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

- + Anh Hoàng Văn C2; Sinh năm: 1884; Địa chỉ: Thôn Quảng Hà, xã Xuân Sơn, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Vắng mặt.
- + Anh Nguyễn Hữu T; Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Thôn 2 xã Đak Cal, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum; Vắng mặt.
- Người làm chứng: Ông Nguyễn Hữu T3; Thôn trưởng thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.
- Người tham gia tố tụng khác:
 - + Ông Nguyễn Bá C3; Sinh năm: 1963; Địa chỉ: Xóm Hương Đình, xã Quang Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.
 - + Ủy ban nhân dân huyện Can Lộc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân Đ; Chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện Can Lộc; Có mặt.
 - + Ủy ban nhân dân xã Sơn Lộc; Đại diện theo pháp luật: Ông Thân Văn V; Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các ý kiến trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn Hoàng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Từ năm 2009, anh T đi làm ăn xa nhưng không có tiền gửi về nên dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên được mọi người khuyên can nên hôn nhân của anh T và chị H vẫn tiếp tục duy trì. Năm 2020, do căn nhà đang ở bị hư hỏng nên bà Ngụ cho phép làm móng nhà trên phần đất phía ngoài với ý định để cho vợ chồng và các con anh sinh sống. Tuy nhiên, khi anh góp tiền đưa cho chị H để làm nhà thì chị H không chịu nhận và cho rằng móng nhà chuẩn bị xây là chỉ cho chị và các con sử dụng còn anh T không được sống ở đây. Vì vậy anh không cho phép xây nhà trên móng, xảy ra mâu thuẫn và anh yêu cầu ly hôn. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm nên anh T mong muốn được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Văn T4, sinh ngày 16/3/2006 và Hoàng Văn M, sinh ngày 11/3/2008. Trong đơn khởi kiện, anh T yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Sau đó và tại phiên tòa, anh T trình bày nguyện vọng được nuôi cháu Hoàng Văn M.

- Về tài sản chung: Theo anh T thì vợ chồng không có tài sản chung. Thừa đất số 89 và hai căn nhà trên đất là tài sản của mẹ đẻ anh (bà Thân Thị Ng) cho vợ chồng anh ở nhờ. Thừa đất này có nguồn gốc gồm một thửa đất của cha mẹ anh T và một thửa đất cha mẹ anh mua lại từ ông Hoàng Văn Tám để lại, đã được UBND huyện Can Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Lý, đến ngày 18/6/2013 cấp đổi mang tên hộ bà Thân Thị Ngụ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0769404). Hiện nay cha mẹ anh đã chết, các anh chị em ruột của anh T gồm: anh Hoàng Văn T2, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn C2, chị Hoàng Thị C, Hoàng Thị P, Hoàng Thị N2 đều không đồng ý việc chia đất cho chị H, các anh chị cùng mẹ khác cha gồm chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hữu T thì cho rằng thửa đất này không liên quan đến anh Tài và chị Nga. Các tài sản khác như tivi, nồi cơm điện do chị H tự mua là tài sản riêng của chị H, chị H được

quyền tự định đoạt, anh T không có ý kiến gì. Về móng nhà, bể nước và giếng khoan mà chị H đã xây dựng trên đất thì anh T chấp nhận hoàn trả bằng tiền giá trị tương đương. Anh T yêu cầu chị H sau khi ly hôn phải chuyển sang nơi khác sinh sống. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh T chấp nhận gửi cho chị H tổng cộng 50.000.000 đồng để bù vào phần tài sản và công sức mà chị H đã bỏ ra. Tại phiên tòa anh T chỉ chấp nhận trả cho chị H 31.000.000 đồng. Còn nếu chị H đồng ý giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng thì anh T gửi cho chị H 100.000.000 đồng. Anh T cũng trình bày anh không có sẵn tiền mà phải vay mượn từ gia đình để trả cho chị H.

- Về nợ chung: Anh T trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H thống nhất với lời trình bày của anh Hoàng Văn T và đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm.

- Về con chung: Chị H trình bày từ trước tới nay các con đều do chị nuôi dưỡng nên chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con sau khi ly hôn. Chị H còn cho rằng anh T nuông chiều con, hay cho cháu Minh sử dụng điện thoại nên nếu để con cho anh T nuôi thì chị H không yên tâm.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu Tòa án buộc anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con từ năm 2008 đến khi ly hôn là 100.000.000 đồng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản trong thời kỳ hôn nhân: Chị H trình bày sau khi vợ chồng kết hôn thì sống chung với mẹ chồng (bà Thân Thị Ngụ) một năm tại căn nhà thứ nhất trên thửa đất số 89, tờ bản đồ số 41 tại thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Sau đó, vợ chồng được bà Ngụ cho sống riêng tại căn nhà thứ hai trên thửa đất này. Đến năm 2020 thì căn nhà xuống cấp, đổ sập nên bà Ngụ và anh chị em bên nội nhất trí cho chị xây nhà trên phần đất phía ngoài của thửa đất. Chị mới xây móng nhà thì vợ chồng mâu thuẫn nên việc xây nhà không tiến hành được. Chị H cung cấp biên bản họp gia đình bà Thân Thị Ngụ ngày 03/11/2020 có chữ ký đề Thân Thị Ngụ, Hoàng Thị P, Hoàng Văn T2, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn C2, Hoàng Thị C và Hoàng Thị N2 và thôn trưởng Nguyễn Hữu T3. Chị H thừa nhận chữ ký Hoàng Văn T2, Hoàng Văn Q và Hoàng Văn C2 không phải do những người này ký vào nhưng họ đã đồng ý qua điện thoại nên chị nhờ người khác ký thay. Do đó, việc bà Thân Thị Ngụ và các anh chị em đồng ý cho chị làm móng nhà tức là cho đất. Chị H dự định xây nhà để mẹ con sử dụng chứ không đồng ý cho anh T cùng chung sống. Vì vậy, tại đơn phản tố chị H yêu cầu Tòa án giao cho chị H sở hữu, sử dụng, quản lý 100m² đất là phần đất đã làm móng nhà thẳng ra phía trước. Tại phiên tòa, chị H đề nghị Hội đồng xét xử chia cho chị một phần đất của thửa đất số 89 để sử dụng. Nếu không được chia đất thì chị H yêu cầu anh T gửi cho chị tổng cộng 100.000.000 đồng để chị ổn định chỗ ở mới. Đối với các vật dụng sinh hoạt tự mua sắm như nồi cơm điện, tivi, chị H đề nghị được quyền sử dụng.

- Về nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Ông Nguyễn Hữu T3 (thôn trưởng thôn Thượng Sơn) trình bày: Ông T3 thừa nhận chữ ký Nguyễn Hữu T3 trong biên bản họp gia đình bà Thân Thị Ngụ là

của ông nhưng biên bản này do chị Nguyễn Thị H đưa đến nhờ ông ký chứ ông không tham gia vào cuộc họp gia đình của bà Ngụ. Ông T3 thừa nhận ông đã từng nói với bà Ngụ chia đất cho T và H nhưng bà Ng vẫn không làm thủ tục tách thửa.

Ý kiến của anh Hoàng Văn T2, anh Hoàng Văn Q, anh Hoàng Văn C2, chị Hoàng Thị N2, chị Hoàng Thị C, chị Hoàng Thị P đều không đồng ý với biên bản họp gia đình mà chị H xuất trình vì anh T2, anh Q, anh C không ký vào biên bản này. Mọi người cho rằng thửa đất số 89 là đất của bà Thân Thị Ngụ, không đồng ý chia quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị H. Chị Hoàng Thị N2, Hoàng Thị C, Hoàng Thị P, Nguyễn Thị N còn trình bày trong quá trình chung sống, chị H mâu thuẫn với mẹ chồng và mọi người trong gia đình chồng, thời gian bà Ngụ ốm đau thì chị H không chăm sóc, phụng dưỡng.

Ý kiến của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Hữu T thể hiện hai người là con riêng của bà Ngụ, hai người không sinh sống trên thửa đất của bà Ngụ, không liên quan đến thửa đất này nên không có ý kiến gì về đất đai.

Ông Nguyễn Bá C3 (bố đẻ chị H) trình bày: Vợ chồng T và H đã lục đục từ lâu, gia đình có hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Gia đình bàn bạc nhiều lần, muốn H về sống với bố mẹ đẻ tại xã Quang Lộc nhưng H chưa nghe lời. Ông C3 thừa nhận mối quan hệ giữa chị H và bên nội không tốt đẹp, các con bà Ng phản đối chia đất cho H nên sau khi ly hôn mà H tiếp tục sống tại đất của bà Ng là không phù hợp. Nếu vợ chồng ly hôn thì gia đình ông C3 sẽ tạo điều kiện để cho mẹ con H về sống với vợ chồng ông và có trách nhiệm hỗ trợ mẹ con. Tại địa phương ông C3 đang sinh sống (xã Quang Lộc) thì H vẫn còn một suất đất ruộng để canh tác và hàng năm H vẫn về đây làm ruộng.

Kết quả xem xét thẩm định của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc thể hiện: Thửa đất số 89 có tổng diện tích 2292,9m², có một ranh giới tự nhiên (một dãy cây) chia thửa đất làm hai phần (hai phần đất có hai ngõ đi vào riêng biệt) gồm:

Phần phía trong (giáp đất nông nghiệp, đất ông Nguyễn Hữu B và một phần đất ông Thái Hữu Tỷ) có diện tích 1246,8m². Trên phần đất này một ngôi nhà diện tích 52,3m², một chuồng gà, một bể nước trước đây do bà Thân Thị Ng sử dụng, nay đang do anh Hoàng Văn T sử dụng. Đây là phần đất của vợ chồng ông Hoàng L và bà Thân Thị Ng cùng sử dụng từ lúc chung sống.

Phần phía ngoài (giáp đất ông Hoàng Văn Đ và đường bê tông, một phần đất ông Thái Hữu T) có diện tích 1046,1m². Trên phần đất này có một ngôi nhà diện tích 70,6m² đã sập, một móng nhà 42m², một bể nước, một giếng khoan. Phần đất này từ năm 2005 – 2008 do vợ chồng anh T, chị H sử dụng, từ năm 2009 đến nay do chị H và các con sử dụng. Đây là phần đất mà ông Hoàng L và bà Thân Thị Ng đã mua lại từ ông Hoàng Văn T.

Biên bản thỏa thuận giữa anh T và chị H thống nhất: Móng nhà trị giá 25.000.000 đồng, giếng khoan mà chị H đào trị giá 4.000.000 đồng, bể nước mà chị H xây trị giá 2.000.000 đồng, 1m² đất trị giá 260.000 đồng.

Ban Công an xã Sơn Lộc xác nhận vào tháng 6/2013 (tức thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “hộ bà Thân Thị Ng”) thì trong hộ khẩu gia đình bà Thân Thị Ng có 03 nhân khẩu đăng ký thường trú là: Bà Thân Thị Ng, sinh năm 1942 (chủ hộ), anh Hoàng Văn C2, sinh năm 1984 (con), anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1987 (con).

Ủy ban nhân dân xã Sơn Lộc xác nhận anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn vào ngày 13/5/2005 tại UBND xã Sơn Lộc, có hai con chung là Hoàng Văn T4 và Hoàng Văn M. Từ khi kết hôn với anh T đến nay, chị H sống trên thửa đất số 89, tờ bản đồ số 41, thôn Thượng Sơn cùng với bà Thân Thị Ng. Hiện nay vợ chồng bà Thân Thị Ng đều đã chết, trên thửa đất này chỉ có vợ chồng anh T, chị H và các con sinh sống. Hộ gia đình anh Hoàng Văn T từ năm 2021 trở về trước thuộc diện cận nghèo, từ năm 2021 đến nay là hộ nghèo. UBND xã Sơn Lộc đã từng cấp cho hộ một con me giống để nuôi và nhiều lần khảo sát để xây nhà tình nghĩa. Tuy nhiên, hiện nay thửa đất đang mang tên bà Thân Thị Ng, các con bà Ng không đồng ý cho làm nhà trên đất nên chính quyền địa phương không thể tiến hành hỗ trợ xây nhà được.

Ủy ban nhân dân huyện Can Lộc cung cấp thông tin: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 41, bản đồ đo đạc địa chính xã Sơn Lộc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B0 769404 ngày 18/6/2013 mang tên “hộ bà Thân Thị Ng”, được cấp đổi từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 876590 ngày 22/5/1997. Hiện tại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Thân Thị Ng chưa thực hiện chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất (bà Thân Thị Ng đã chết).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo tuân theo pháp luật tố tụng;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Hoàng Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị H; Giao cháu Hoàng Văn M cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Văn T4 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng; Buộc anh Hoàng Văn T gửi cho chị H 50.000.000 đồng tiền giá trị móng nhà, giếng khoan, bể nước và công sức tôn tạo thửa đất; Giao cho chị H sử dụng 01 tivi, 01 nồi cơm điện; Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh T và chị H; Buộc chị H chịu chi phí xem xét thẩm định đã nộp, .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Anh Hoàng Văn T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

Về việc trợ giúp pháp lý: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh T xuất trình giấy chứng nhận hộ cận nghèo và đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án nên Tòa án không yêu cầu đương sự nộp tiền tạm ứng án phí. Trước thời điểm mở phiên tòa, anh T nộp giấy chứng nhận hộ nghèo, anh T và chị H đều thống nhất từ chối trợ giúp pháp lý nên Tòa án không thực hiện thủ tục trợ giúp pháp lý cho các đương sự là đúng quy định.

Về việc tham gia tố tụng: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 41 tại thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh mà chị Nguyễn Thị H yêu cầu

chia một phần quyền sử dụng là tài sản chung của ông Hoàng L và bà Thân Thị Ng. Hiện nay, ông L và bà Ng đều đã chết nên Tòa án triệu tập các con riêng của ông L (anh Hoàng Văn T2, chị Hoàng Thị N2, chị Hoàng Thị C), các con riêng của bà Ng (anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị N), các con chung của ông L và bà Ng (anh Hoàng Văn Q, anh Hoàng Văn C2, chị Hoàng Thị P) tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị H:

Lời khai của anh T phù hợp với lời khai của chị H và kết quả xác minh của Tòa án, cho thấy anh T và chị H có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, không còn chung sống với nhau từ lâu. Gia đình và Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng cả hai đều không có nguyện vọng đoàn tụ. Hôn nhân của anh T và chị H đã rơi vào tình trạng trầm trọng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T ly hôn chị H.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T và chị H đều là người nghèo, đều là lao động phổ thông, đều không có tài sản riêng. Hiện anh T đang thay mặt các anh chị em ruột quản lý di sản thừa kế của cha mẹ, còn chị H cũng chưa có chỗ ở nào khác sau khi ly hôn. Nếu giao cả hai con cho một bên nuôi dưỡng sẽ khó khăn cho người trực tiếp nuôi dưỡng và việc chăm sóc các cháu cũng sẽ gặp nhiều trở ngại. Do đó, giao cháu Hoàng Văn M cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Văn T4 cho chị H nuôi dưỡng để các cháu được chăm sóc tốt nhất có thể là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con trong thời kỳ hôn nhân: Anh T thừa nhận trong khoảng thời gian đi làm xa, công việc trực trặc nên không có tiền gửi về cho chị H. Tuy nhiên trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại thì Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu 100.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con của chị H.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Các bên đều trình bày không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về phân chia tài sản, quyền lợi của chị H trên thửa đất số 89, tờ bản đồ số 41 tại thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

- Xét ý kiến của chị Nguyễn Thị H: Chị H cho rằng bà Thân Thị Ng và các anh chị em đồng ý cho làm móng nhà trên thửa đất số 89 đồng nghĩa với việc cho chị quyền sử dụng phần đất có móng trở ra ngoài. Tuy nhiên, biên bản họp gia đình bà Ngụ ngày 03/11/2020 mà chị H xuất trình thể hiện: “Vì điều kiện hoàn cảnh gia đình nhà cửa hư hỏng, đổ sập, nay muốn tu sửa lại nhưng điều kiện bản thân tôi chưa có bìa đất, đang ở chung vườn của bà nội Thân Thị Ngụ nên xin được làm nhà”. Mặt khác, chị H thừa nhận chữ ký “Hoàng Văn T, Hoàng Quốc, Hoàng Văn C2, Hoàng Văn T2” không phải do những người này ký vào. Như vậy, không thể căn cứ vào biên bản này để cho rằng bà Ngụ và các con có ý chỉ tặng cho chị H/vợ chồng chị H một phần quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu chia quyền sử dụng thửa đất số 89 của chị Nguyễn Thị H.

Tuy nhiên, chị H sinh sống tại thửa đất này từ năm 2005 đến nay, tuy không chăm sóc, phụng dưỡng bà Thân Thị Ng nhưng có công sức bảo quản, tôn tạo, tăng giá trị thửa đất. Căn cứ các lời khai của các đương sự, căn cứ kết quả thẩm định cho thấy: Sau khi kết hôn, anh T và chị H đã được bà Thân Thị Ng cho ở trên

phần đất ông Hoàng Văn Tám để lại (diện tích 1046,1m² đã có sẵn 01 căn nhà cấp 4) nhưng anh T đi làm ăn xa trong thời gian dài nên phần đất này chủ yếu do chị H quản lý, sử dụng. Từ đó đến nay, chị H thường xuyên sinh sống tại đây, có công bảo quản thửa đất, lấp hồ phía trước, xây thêm một móng nhà, một giếng nước, một bể nước làm tăng giá trị sử dụng cho thửa đất. Số tiền để mua đất lấp hồ là do anh Hoàng Văn T2 cho chị H, chị H không yêu cầu đòi lại số tiền này nhưng phải tính công sức cho chị H về việc thuê thợ, giám sát việc đổ đất... Những người con khác của bà Thân Thị Ngụ chỉ thỉnh thoảng về thăm nhà, thăm mẹ, không sinh sống tại thửa đất này. Do đó, cần tính cho chị H công sức bảo quản, làm tăng giá trị của phần đất chị H sử dụng (tổng diện tích 1046,1m²) trên thửa đất số 89.

Hiện nay, trong các đồng thừa kế thì chỉ có anh T là chưa có chỗ ở khác và đang trực tiếp sinh sống tại thửa đất này, anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị N trình bày không liên quan đến thửa đất, không có ý kiến gì về việc chia đất còn anh Hoàng Văn T2, Hoàng Văn C2, Hoàng Văn Q, chị Hoàng Thị N2, Hoàng Thị C, Hoàng Thị P không đồng ý chia đất cho chị H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho chị H, buộc anh T có trách nhiệm trực tiếp trả cho chị H giá trị các tài sản mà chị H xây dựng và công sức bảo quản, làm tăng giá trị thửa đất. Sau đó, khi thực hiện chia di sản thừa kế với thửa đất này thì anh T có quyền yêu cầu các đồng thừa kế được hưởng lợi có trách nhiệm với số tiền anh đã trả cho chị H.

Chị H yêu cầu anh T trả tổng cộng 100.000.000 đồng để chị tạo lập chỗ ở mới còn anh T chỉ chấp nhận trả 50.000.000 đồng, sau đó tại phiên tòa chỉ chấp nhận trả 31.000.000 đồng, còn nếu anh T trả 100.000.000 đồng thì anh T phải được quyền nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T và chị H đều là người nghèo, đều là lao động phổ thông, đều không có tài sản riêng, cần phải phán quyết mức tiền để anh T có thể thực hiện được trên thực tế nhưng cũng không được quá thấp, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị H. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh T phải trả cho chị H:

- Giá trị các tài sản mà chị H xây dựng: 25.000.000 đồng giá trị móng nhà, 4.000.000 đồng giá trị giếng khoan, 2.000.000 đồng giá trị bể nước.

- Công sức bảo quản, làm tăng giá trị đối với 1046,1m² đất từ năm 2005 đến khi ly hôn: $1046,1 \text{ m}^2 \times 260.000 \text{ đồng} / 6 = 45.331.000 \text{ đồng}$.

- Về các tài sản khác: Anh T và chị H thống nhất các vật dụng sinh hoạt mà chị H đang sử dụng, bảo quản (một tivi, một nồi cơm điện) là tài sản riêng của chị H, chị H được toàn quyền sử dụng, định đoạt.

[5] Về nợ chung: Các bên thống nhất không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị H đều thuộc hộ nghèo có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 158, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 102, 212, Điều 651, Điều 654 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 Điều 61, Điều 63, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T, cho anh Hoàng Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Văn T4, sinh ngày 16/3/2006 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Văn M, sinh ngày 11/3/2008 cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng đến khi các con thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con.

Anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Hoàng Văn T4 được sống chung với chị H và có quyền thăm nom cháu Thanh mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Hoàng Văn M được sống chung với anh T và có quyền thăm nom cháu Minh mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc buộc anh Hoàng Văn T trả 100.000.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con trong thời kỳ hôn nhân.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Các bên đều trình bày không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về phân chia tài sản:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc chia quyền sử dụng thửa đất số 89, tờ bản đồ số 41 tại thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Buộc anh Hoàng Văn T là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 89, tờ bản đồ số 41 tại thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh phải giao cho chị Nguyễn Thị H số tiền 76.331.000 đồng trong đó gồm: 25.000.000 đồng giá trị móng nhà, 4.000.000 đồng trị giá giếng khoan, 2.000.000 đồng trị giá bể nước, 45.331.000 đồng giá trị, công sức tôn tạo của chị H đối với thửa đất này.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Anh Hoàng Văn T có quyền yêu cầu các đồng thừa kế được hưởng lợi có trách nhiệm với số tiền phải trả cho chị Nguyễn Thị H khi chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 41 thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng, định đoạt các tài sản chị tự mua

sấm (tivi, nồi cơm điện) và quyền lưu cư trong các căn nhà tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 41 tại thôn Thượng Sơn, xã Sơn Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt để tìm kiếm và tạo lập chỗ ở mới.

5. Về án phí, chi phí tố tụng: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 1.671.946 đồng chi phí xem xét thẩm định đã nộp.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Hoàng Văn T, chị Nguyễn Thị H, chị Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị C, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Hoàng Văn T2, anh Hoàng Văn Q, anh Hoàng Văn C2, anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND xã Sơn Lộc;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh